

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Kế toán, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-LĐTBXH, ngày 27/01/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo (trong đó có ngành Kế toán);

Căn cứ Biên bản họp ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Kế toán**

Mã ngành: **6340301**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **1935 giờ (tương đương 85 tín chỉ)**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022 – 2023.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Khoa học – Công nghệ TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Gia Hiền

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-KHCN, ngày 27 tháng 4 năm 2022 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Khoa học - Công nghệ TP.HCM)

Tên ngành, nghề:	Kế toán
Mã ngành, nghề:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên
Thời gian đào tạo:	2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Kế toán có phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt; có năng lực tổ chức, yêu nghề được đào tạo. Có kiến thức cơ sở lý luận về kinh tế tài chính; có năng lực thực hiện được các công việc có tính phức tạp; phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề một cách có logic. Có khả năng sáng tạo, tiếp cận được những kiến thức chuyên ngành mới; có khả năng học tập liên tục ở các cấp học cao hơn về Kế toán, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam;
- Hiểu biết về hệ thống pháp luật cơ bản của Việt Nam, pháp luật kinh tế và một số về đường lối an ninh quốc phòng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về kinh tế, quản trị và marketing; những nguyên lý của kế toán, thanh toán quốc tế và chuẩn mực kế toán quốc tế;
- Hiểu biết và vận dụng được kiến thức về thống kê ứng dụng trong kinh doanh, tài chính doanh nghiệp hiện đại, phân tích báo cáo tài chính vào công việc thực tế;
- Trình bày được những nội dung quan trọng về kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán và kiểm toán phần hành;
- Vận dụng các quy định về kế toán; hệ thống chứng từ, tài khoản và các hình thức kế toán vào thực tiễn công việc;
- Trình bày được những nội dung quan trọng về kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, thị trường chứng khoán và kinh doanh Bảo hiểm.



1.2.2. Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng, thành thạo kỹ năng kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản, biết cách sử dụng và khai thác được mạng máy tính;
- Giao tiếp được các tình huống cơ bản bằng tiếng Anh (tương đương bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);
- Luyện tập đúng phương pháp một số môn thể dục, thể thao như: Điền kinh, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông ...;
- Tổ chức và quản trị được công tác kế toán tài chính phù hợp với từng doanh nghiệp và tại đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Sử dụng thành thạo một số phần mềm kế toán thông dụng, ứng dụng thành thạo phần mềm Microsoft Excel trong công tác kế toán;
- Thực hiện thành thạo việc lập, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- Lập thành thạo báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế cho doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Thiết lập được mối quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Thực hiện được việc kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp.

1.2.3. Về thái độ:

- Rèn luyện tính chủ động trong giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của nhân viên kế toán và tự chịu trách nhiệm với công việc kế toán;
- Có đạo đức nghề nghiệp, có phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế;
- Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Có trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong tổ chức.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm công việc kế toán tại các đơn vị sau:

- + Các doanh nghiệp kinh tế lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ;
- + Các cơ quan quản lý nhà nước: ủy ban nhân dân, sở, ban ngành;
- + Các đơn vị sự nghiệp như trường học, bệnh viện;
- + Các tổ chức tín dụng, trung tâm giao dịch chứng khoán;
- + Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính: công ty tư vấn dịch vụ kế toán kiểm toán;

- Cơ hội phát triển nghề nghiệp:

Sau khi tích lũy đủ kinh nghiệm và có đủ năng lực, người học chuyên ngành kế toán có thể đảm nhiệm vị trí: Trưởng phòng kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính... cho các doanh nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 34 môn học.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1935 giờ (tương đương 85 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ.
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1500 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 698 giờ; Thực hành: 1146 giờ; Thi/kiểm tra: 91 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Thi/ kiểm tra
I. Các môn học chung		20	435	175	239	21
MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng Anh 01	3	60	30	28	2
MH07	Tiếng Anh 02	3	60	30	28	2
II. Các môn học chuyên môn		65	1500	523	907	70
II.1. Các môn cơ sở		20	420	180	222	18
MH08	Kinh tế vi mô	3	60	30	28	2
MH09	Kinh tế vĩ mô	3	60	30	28	2
MH10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	60	30	28	2
MH11	Pháp luật kinh tế	2	45	15	28	2
MH12	Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản	2	45	15	28	2
MH13	Thanh toán quốc tế	2	45	15	28	2
MH14	Nguyên lý kế toán	2	45	15	28	2
MH15	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	28	2

II.2. Môn chuyên ngành bắt buộc		37	915	268	601	46
MH16	Kế toán tài chính (1)	4	75	45	26	4
MH17	Kế toán tài chính (2)	4	75	45	26	4
MH18	Kế toán quản trị	3	60	30	26	4
MH19	Quản trị hành chính văn phòng	2	45	15	28	2
MH20	Hệ thống thông tin kế toán	2	45	15	28	2
MH21	Thực hành sổ sách kế toán	3	60	30	28	2
MH22	Thuế	2	45	15	28	2
MH23	Kế toán tài chính (3)	3	60	30	26	4
MH24	Ứng dụng Excel trong kế toán	2	60	0	56	4
MH25	Ứng dụng phần mềm kế toán	2	60	0	56	4
MH26	Thực hành mô phỏng kế toán doanh nghiệp	4	90	24	60	6
MH27	Thực hành mô phỏng khai báo thuế	2	60	19	38	3
MH28	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	175	5
II.3. Môn học chuyên ngành tự chọn		8	165	75	84	6
<i>Nhóm 1 (Chọn 1 trong 2 môn sau)</i>		2	45	15	28	2
MH29	Thị trường chứng khoán	2	45	15	28	2
MH30	Bảo hiểm	2	45	15	28	2
<i>Nhóm 2 (Chọn 2 trong 4 môn sau)</i>		6	120	60	56	4
MH31	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	28	2
MH32	Kế toán ngân hàng	3	60	30	28	2
MH33	Kiểm toán phần hành	3	60	30	28	2
MH34	Phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	28	2
Tổng cộng (I + II)		85	1935	698	1146	91

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung:

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành xây dựng và ban hành theo các Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, Số 11/2018/TT-BLĐTBXH, Số 12/2018/TT-BLĐTBXH, Số 13/2018/TT-BLĐTBXH, Số 24/2018/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thời gian cho các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Thể dục thể thao - Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	5 giờ đến 6 giờ; 17g – 18g hàng ngày Ngoài giờ học hàng ngày (19g – 21g, 1 buổi/tuần)
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào thứ Bảy, Chủ nhật.
4	Tham quan dã ngoại	Mỗi năm học 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

4.3.1 Kiểm tra (trọng số 40%):

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo qui định của trường.

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và phải đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học, chỉ được thực hiện sau khi đã được Ban Giám hiệu phê duyệt.

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.3.2 Thi kết thúc môn học (trọng số 60%):

a) Điều kiện dự thi kết thúc môn học:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10;

- Còn số lần dự thi kết thúc môn học theo quy định.

b) Tổ chức thi kết thúc môn học:

- Thi kết thúc môn học được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, hoặc cuối mỗi học kỳ. Lịch thi kết thúc môn học phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của người học;

- Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc;

- Người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 phút đến 120 phút; thời gian thi đối với các hình thi khác hoặc thời gian thi với các môn học có tính đặc thù của ngành hoặc thời gian thi trực tuyến phải trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

- Thi kết thúc môn học bằng hình thức trực tuyến chỉ thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện cần thiết và được Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Thực hiện theo Quy định Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy tín chỉ hiện hành. Người học được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện:

+ Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2.0 trở lên;

+ Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;

+ Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy số tín chỉ và chuẩn đầu ra đã đạt của người học để xét công nhận tốt nghiệp; căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành Kế toán theo quy định.

4.5. Các chú ý khác:

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải vận dụng phù hợp đối với các “điều kiện thực hiện” của mỗi môn học, vận dụng linh hoạt để đảm bảo cho sinh viên đạt được mục tiêu chung của chương trình chi tiết đã được phê duyệt.

- Kiến tập, thực tập tại cơ sở để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của sinh viên. Do vậy việc lựa chọn hình thức kiến tập, thực tập cũng như phân bổ thời gian tùy điều kiện từng cơ sở có thể lựa chọn hình thức cho phù hợp nhưng đảm bảo thời lượng đã phê duyệt.

